

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày 19-02-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Bùi Mạnh Quyết

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-DS, ngày 18/12/2023 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An (chồng bà Đ).

(Bà Đ, ông S có đơn xin vắng mặt. Ông L, bà L vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Đoàn Thị L có tham gia 1 phần hui do bà làm chủ: Hui 3.000.000 đồng, 2 tháng khai một lần, khai lần đầu tiên vào ngày 01/04/2015 (âm lịch), tổng cộng 25 phần, ông L và bà L tham gia 01 phần, tên trong phiếu hui "T M", số thứ tự 3, đã hốt hui tháng 8/2015 âm lịch, (bỏ phiếu 1.050.000 đồng). Khi nhận tiền hui bà L có ký tên "L" trong phiếu

hụi.

Sau khi hốt hụi, ông L và bà L đã đóng hụi chết cho bà nhưng không đầy đủ, còn nợ lại 7 kỳ hụi chết (3.000.000 đồng x 7 kỳ = 21.000.000 đồng). Khoảng trước tết năm 2023, ông L có trả thêm cho bà 1.500.000 đồng nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể. Như vậy, ông L và bà L còn nợ bà số tiền 19.500.000 đồng. Hụi nay đã mãn (01/4/2019) nhưng ông L không chịu trả hết tiền hụi chết mà bà đã đóng thay cho vợ chồng ông.

Bà có đến nhà yêu cầu ông L và bà L đóng tiền hụi nhưng ông bà không chịu trả mà cứ hẹn. Nay bà làm đơn này gửi đến Tòa án nhân dân huyện X xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Đoàn Thị L trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 19.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Đoàn Thị L đã được Tòa án tổng đạt các tài liệu, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải và kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nhưng đều vắng mặt trong các buổi làm việc, không cung cấp bản tự khai hay có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành thụ lý và hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Văn L, bà Đoàn Thị L dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu bị đơn trả 19.500.000 đồng tiền hụi chết đã đóng thay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, căn cứ nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đ, ông S có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông L, bà L vắng mặt suốt quá trình tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án

giải quyết vắng mặt những đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét số tiền hui chết ông L, bà L chưa đóng:

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Đ xác định như sau:

Ông L, bà L Hui có tham gia 1 phần hui do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ làm chủ. Hui 3.000.000 đồng, 2 tháng khai một lần, khai lần đầu tiên vào ngày 01/04/2015 (âm lịch). Ông L và bà L tham gia 01 phần, tên trong phiếu hui “TM” là tên thường gọi của ông L, số thứ tự 3, đã hót hui tháng 8/2015 âm lịch. Khi nhận tiền hui bà L có ký tên “Lan” trong phiếu hui.

Bà Đ xác định ông L, bà L còn nợ tiền hui chết là 19.500.000 đồng. Cho đến nay, ông L và bà L không chứng minh đóng hui chết đầy đủ nên có cơ sở xác định ông L, bà L đã vi phạm nghĩa vụ của hui viên theo quy định tại Điều 25, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 và điểm c, khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường.

Theo Điều 16, 28 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 và khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ “Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay”. Do bà Đ đã đóng hui thay cho ông L, bà L nên yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông L, bà L trả cho bà Đ 19.500.000 đồng tiền hui chết mà bà Đ đã đóng thay.

[2.2] Về lãi suất: Bà Đ không yêu cầu ông L, bà L trả lãi suất của số tiền hui đã đóng thay là sự tự nguyện của bà Đ và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông L, bà L phải liên đới chịu 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16, 25, 28, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đối với Nguyễn Văn L, bà Đoàn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đoàn Thị L phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền là 19.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đoàn Thị L phải liên đới chịu 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng